



BSC WEEKLY REVIEW
Tuần 30 (24/07-28/07/23)

*Dự báo số lượng cổ phiếu mua/bán
các ETF nội kỳ cơ cấu tháng 07/2023*

NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Đà tăng củng cố, VN-Index sẽ sớm vượt 1,200 điểm*
2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Dự báo số lượng cổ phiếu mua/bán các ETF nội kỳ cơ cấu tháng 07/2023*
3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ
4. PTKT VN-INDEX: *VN-Index hướng về ngưỡng tâm lý 1,200 điểm*
5. TIN VĨ MÔ: *GDP Trung Quốc quý 2 tăng 6.3%*
6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Bán lẻ +5.59%*
7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: Đà tăng củng cố, VN-Index sẽ sớm vượt 1,200 điểm

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1185.90	1.50%
GTGD/phiên (tỷ VND)	16,125.82	-2.22%
Khối ngoại (tỷ VND)	-1016.22	
HNX-INDEX	234.98	2.08%
GTGD/phiên (tỷ VND)	1580.43	-8.23%
Khối ngoại (tỷ VND)	45.81	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4536.34	0.03%	0.69%	3.52%
EU (EURO STOXX)	4391.41	0.40%	-0.20%	2.80%
China (SHCOMP)	3167.75	-0.06%	-2.16%	-0.94%
Japan (NIKKEI)	32304.25	-0.57%	-0.35%	-2.89%
Korea (KOSPI)	2609.76	0.37%	-0.71%	1.54%
Singapore (STI)	3278.30	0.12%	0.91%	1.73%
Thailand (SET)	1529.25	0.53%	0.75%	1.58%
Phillipines (PCOMP)	6647.56	0.52%	0.34%	3.79%
Malaysia (KLCI)	1413.52	0.49%	1.24%	1.44%
Indonesia (JCI)	6880.80	0.24%	1.04%	2.91%
Vietnam (VNIndex)	1185.90	1.12%	1.50%	5.00%

HĐTL	Điểm số	± Basis	GTGD* / phiên	HĐM^ / phiên
VN30F2312	1170.00	-1.40%	15,449	36,858
VN30F2305	1165.20	-1.80%	1,602	32,226
VN30F2306	1184.90	-0.14%	21	2,336
VN30F2309	1183.20	-0.29%	8	3,332

TTCK VIỆT NAM

Thị trường tiếp tục đạt đỉnh trong năm 2023

Dòng tiền tăng trưởng cùng vận động luân chuyển nhanh giúp VN-Index tăng 1.5%, nối dài chuỗi tăng 3 tuần liên tiếp với thanh khoản duy trì ở mức cao. Những cổ phiếu vốn hóa lớn chưa tăng đáng kể so với thị trường như VHM, MSN, MWG tiếp tục là động lực đẩy chỉ số tăng sau vài phiên tích lũy. Nhóm ngành BĐS và ngành bán lẻ tăng tốt tuần qua nhờ hưởng lợi từ các chính sách và sự luân chuyển dòng tiền. Trái ngược với động thái gần đây, khối ngoại quay lại mua ròng hơn 50 triệu USD là yếu giúp cho thị trường ổn định và bật tăng sau phiên HĐTL đáo hạn. Tuần tới, NĐT sẽ cẩn thận trước thông tin FED tăng lãi suất. Dù vậy VN-Index đang có nhiều yếu tố thuận lợi duy trì đà tăng vượt 1,200 điểm. NĐT tiếp tục tận dụng cơ hội để tăng tỷ trọng nắm giữ ở nhịp điều chỉnh.

Theo dữ liệu FiinPro, 578 doanh nghiệp tương đương 49% trên 3 sàn công bố KQKD quý II với lợi nhuận suy giảm liên tiếp. Riêng HSX và HNX có 281/765 doanh nghiệp công bố có LNST tăng trưởng âm 3%. KQKD phân hóa với 47% cổ phiếu tăng trưởng dương so cùng kỳ. 5 công ty có tăng trưởng lợi nhuận tuyệt đối lớn thuộc về chứng khoán, tiêu dùng và công nghệ nhất gồm VIX (+507 tỷ), KDC (+463 tỷ), VDS (+345 tỷ), FPT (+258 tỷ) và L14 (+242 tỷ). Các công ty có sụt giảm LN gồm DGC, LPB, TPB, NT2 và VCI. 6 ngân hàng TPB, LPB, BAB, ABB, PGB và SGB có LNST giảm -46,2% so với cùng kỳ và -35,8% so với quý 1/2023. 4 công ty trong VN30 đã công bố KQKD có mức tăng trưởng -5.6% cùng kỳ. Kết quả KD sẽ còn thay đổi khi các công ty lớn công bố KQKD dù vậy KQKD không nổi bật và chưa cải thiện so cùng kỳ và quý I.

TTCK THẾ GIỚI

Dow Jone có chuỗi tăng điểm 10 phiên liên tiếp trước mùa công bố KQKD quý II khả quan

Chỉ số Dow Jone có chuỗi tăng điểm tích cực kéo dài 10 phiên chưa từng thấy kể từ tháng 8/2007. Với mức tăng 2.1% trong tuần, chỉ số này vượt xa các chỉ số khác nhờ KQKD quý II tích cực và tăng chậm hơn so các chỉ số khác kể từ đầu năm. 75% công ty thuộc S&P500 công bố KQKD vượt kỳ vọng và động lực tăng chính của chỉ số. Các chỉ số CK Châu Âu duy trì đà tăng, EU600 tăng 1%, dẫn đầu bởi các thị trường Anh tăng 3.1%. GDP tăng trưởng thấp kéo TTCK Trung Quốc và Hongkong dẫn đầu đà giảm Châu Á lần lượt 2.1% và 1.7%. Sau nhiều tuần giảm, chỉ số DXY tăng 1.1% nhưng vẫn giảm 5.3%yoy. Chỉ số hàng hóa nối dài chuỗi tăng thêm 2.2%, dẫn đầu các mặt hàng như khí gas (+7%), quặng sắt (+4%) và các mặt hàng nông sản như lúa mì, bông và đường. Tuần tới, FED và ECB có cuộc họp chính sách quyết định về vấn đề lãi suất và sẽ có ảnh hưởng lên thị trường.

GDP Trung Quốc thấp hơn dự báo và tỷ lệ thanh niên thất nghiệp lập kỷ lục 21.3% cho thấy nền kinh tế thứ 2 thế gặp khó khăn lấy lại đà tăng trưởng. Với mức tăng 6.3%yoy, GDP quý II thấp hơn mức dự báo 7.3% và cũng chỉ tăng 0.8% so với mức tăng 2.2% trong quý I. Doanh thu bán lẻ tăng 3.1%, thấp hơn so dự báo 3.2% trong khi sản lượng công nghiệp tăng nhẹ. Lĩnh vực bất động sản chưa hồi phục và xuất khẩu giảm sút do nhu cầu thế giới là yếu tố kìm hãm trong trường. Du lịch nội địa lại trở thành điểm sáng nền kinh tế. Thời gian qua Trung Quốc đã thực hiện một số điều chỉnh về lãi suất và chính sách tài khóa nhưng chưa đưa gói kích thích lớn hơn khi lãi suất chính quyền địa phương đang tăng mạnh.

Chú thích: * tỷ VNĐ
^ hợp đồng

CHUYÊN MỤC TUẦN: *Dự báo số lượng cổ phiếu mua/bán các ETF nội kỳ cơ cấu tháng 07/2023*

Ngày 17/07/2023, Sở GDCK Tp HCM (Hose) đã công bố danh mục cổ phiếu thành phần, thông tin về cập nhật thay đổi về tỷ lệ free-float, khối lượng lưu hành các trọng số liên quan của các bộ chỉ số mà Hose đang quản lý. Ngày 04/08/2023 sẽ là ngày cuối cùng các ETF hoàn thiện việc cơ cấu theo danh mục mới mà Hose công bố.

Trên cơ sở đó, BSC dự báo SLCP mua/bán đối với 13 ETF đang tham chiếu theo 07 bộ chỉ số trên TTCK Việt Nam.

Một số lưu ý với các thay đổi đáng chú ý trong kỳ cơ cấu lần này:

A. Chỉ số VN30

- Thêm mới cổ phiếu: SSB và SHB
- Loại bỏ cổ phiếu: PDR và NVL. Hiện có 04 ETF đang tham chiếu theo bộ chỉ số này

B. Chỉ số VNFinlead

- Loại bỏ cổ phiếu: BVH. Hiện có 01 ETF đang tham chiếu theo bộ chỉ số này

C. Chỉ số VN-Midcap

- Thêm cổ phiếu: HAG, HHV, VGC, PDR (chuyển từ rổ VN30-Index)
- Loại bỏ cổ phiếu: SSB + SHB (vào rổ VN30-Index), HPX, SCR

Hiện có 01 ETF đang tham chiếu và đang mô phỏng theo với số lượng 60/70 cổ phiếu. Giả định tính toán ETF sẽ thêm mới PDR, VGC, HHV thay thế cho SSB, SHB, SCR

D. Chỉ số VN-100

- Thêm cổ phiếu: HAG, HHV, VGC
- Loại bỏ cổ phiếu: SCR, HPX, NVL

Hiện có 02 ETF đang tham chiếu và đang mô phỏng theo việc lựa chọn cổ phiếu với 70/100 cổ phiếu Hose công bố.

E. Chỉ số VN-Finselect

Cổ phiếu TVB đã bị loại từ ngày 10/05/2023. Hiện có 01 ETF đang tham chiếu theo bộ chỉ số này với danh mục 31/35 cổ phiếu.

F. Chỉ số VN-Diamond và VNX-50

Không có sự thay đổi nào trong danh mục các cổ phiếu thành phần cả 2 bộ chỉ số. Hiện có 02 ETF đang tham chiếu theo VN-Diamond Index và 02 ETF tham chiếu theo VNX-50 Index.

(Xem tiếp trang sau)

CHUYÊN MỤC TUẦN: Dự báo số lượng cổ phiếu mua/bán các ETF nội kỳ cơ cấu tháng 07/2023

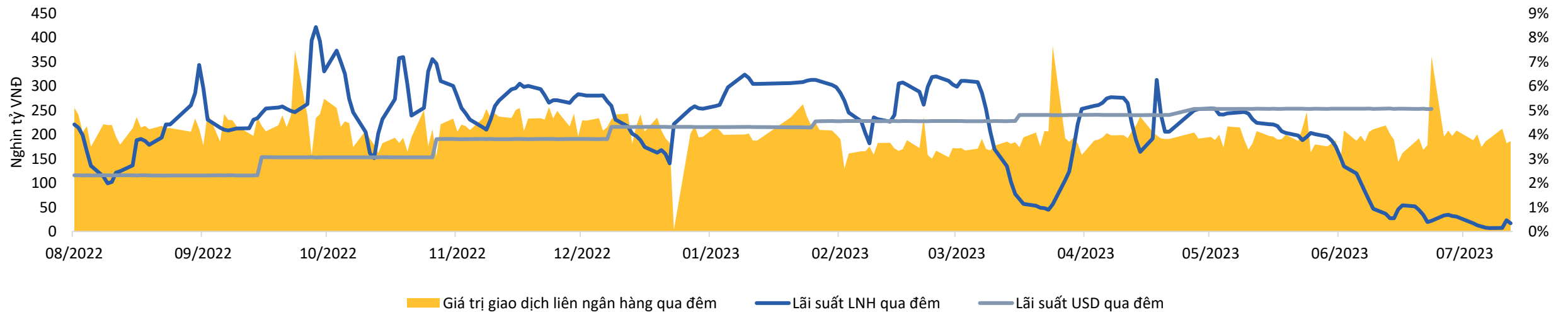
DỰ BÁO SỐ LƯỢNG MUA/BÁN CỔ PHIẾU CÁC QUỸ ETF NỘI KỲ THÁNG 07/2023																						
Mã CK	Diamond	VN30	Finlead	FinSelect	Midcap	VN100	VNX50	Tổng	KLGD TB 1 tháng	Số ngày giao dịch dự kiến	Mã CK	Diamond	VN30	Finlead	FinSelect	Midcap	VN100	VNX50	Tổng	KLGD TB 1 tháng	Số ngày giao dịch dự kiến	
GMD	11,873,340	0	0	0	9,410	(4,604)	7,445	11,885,591	1,252,178	3.43	PHR	0	0	0	0	285	0	0	285	715,936	0.00	
SSB	0	11,483,735	(1,206,037)	(110,179)	(280,876)	6,189	22,779	9,915,611	2,820,501	3.52	AAA	0	0	0	0	925	0	0	925	7,835,313	0.00	
DHC	716,880	0	0	0	1,317	0	0	718,197	233,125	3.08	KDC	0	0	0	0	3,441	(11,103)	7,639	(22)	1,380,531	(0.00)	
NLG	7,588,898	0	0	0	6,008	(25,858)	(942)	7,568,107	3,344,775	2.26	NKG	0	0	0	0	2,223	(3,366)	0	(1,144)	10,725,257	(0.00)	
SHB	0	19,138,073	3,297,330	34,463	(419,506)	24,987	59,762	22,135,109	23,325,906	0.95	PVS	0	0	0	0	0	0	(1,197)	(1,197)	6,533,254	(0.00)	
TPB	5,259,597	(359,397)	(46,295)	25,536	0	54,291	(176,663)	4,757,067	6,339,879	0.75	DBC	0	0	0	0	6,192	(9,103)	0	(2,911)	7,231,096	(0.00)	
VIB	3,361,154	(316,683)	837,419	(4,817)	0	5,497	25,595	3,908,164	6,214,628	0.63	VDS	0	0	0	(978)	0	0	0	(978)	918,052	(0.00)	
VPB	7,380,970	(451,482)	4,738,931	84,382	0	53,829	197,138	12,003,769	20,752,881	0.58	CTD	0	0	0	0	(924)	0	0	(924)	679,950	(0.00)	
MSB	3,841,066	0	477,543	46,972	71,144	24,257	35,921	4,496,902	7,808,380	0.58	PVT	0	0	0	0	4,815	(10,590)	0	(5,775)	4,079,061	(0.00)	
ACB	3,966,651	(1,071,363)	356,208	12,884	0	12,640	84,401	3,361,421	7,768,568	0.43	PTB	0	0	0	0	(1,289)	0	0	(1,289)	787,210	(0.00)	
KDH	766,165	0	0	0	11,364	10,502	(6,201)	781,830	2,238,916	0.35	AGR	0	0	0	(4,227)	0	0	0	(4,227)	2,158,828	(0.00)	
MBB	7,262,661	(1,169,553)	(3,065,068)	20,334	0	83,966	65,872	3,198,213	13,154,285	0.24	PC1	0	0	0	0	4,971	(9,668)	0	(4,696)	2,157,439	(0.00)	
SAB	0	48,660	0	0	0	(9,857)	0	38,803	178,294	0.22	KOS	0	0	0	0	(858)	0	0	(858)	343,474	(0.00)	
EIB	0	0	2,420,493	7,632	35,030	26,239	29,150	2,518,544	14,336,852	0.18	DGW	0	0	0	0	(447)	(6,141)	0	(6,587)	2,335,867	(0.00)	
CTG	1,356,229	(352,423)	(74,011)	13,588	0	14,823	4,561	962,768	6,236,630	0.15	STB	0	(302,815)	93,353	55,403	0	27,264	62,323	(64,472)	20,904,786	(0.00)	
LPB	0	0	857,241	41,511	68,141	41,400	26,356	1,034,648	10,788,038	0.10	FRT	0	0	0	0	5,899	(9,429)	0	(3,530)	1,087,372	(0.00)	
CMG	0	0	0	0	2,943	0	0	2,943	69,615	0.04	POW	0	(45,257)	0	0	0	12,164	3,632	(29,461)	6,274,104	(0.00)	
SAM	0	0	0	0	11,429	72,218	0	83,647	2,517,388	0.03	CTS	0	0	0	(12,617)	0	0	0	(12,617)	2,172,943	(0.01)	
VCI	0	0	161,620	301	5,897	(4,641)	5,809	168,986	5,188,846	0.03	HDC	0	0	0	0	4,704	(12,137)	0	(7,433)	1,265,602	(0.01)	
BWE	0	0	0	0	2,800	0	0	2,800	86,258	0.03	BMP	0	0	0	0	(1,881)	0	0	(1,881)	265,621	(0.01)	
HCM	0	0	163,654	337	9,294	4,047	3,257	180,589	6,349,090	0.03	VHC	0	0	0	0	(369)	(5,786)	(1,850)	(8,005)	942,614	(0.01)	
PLX	0	31,161	0	0	0	1,706	(2,466)	30,401	1,265,868	0.02	MIG	0	0	0	0	(5,625)	0	0	(5,625)	543,488	(0.01)	
VIC	0	36,458	0	0	0	33,552	(9,910)	61,100	2,979,622	0.02	SCR	0	0	0	0	(57,140)	(6,074)	0	(63,213)	5,716,723	(0.01)	
FTS	0	0	0	13,460	5,010	5,559	0	24,030	1,626,897	0.01	BSI	0	0	0	0	(16,533)	0	0	(16,533)	1,299,950	(0.01)	
VND	0	0	403,483	3,396	28,478	(6,195)	15,414	444,576	32,551,144	0.01	SSI	0	(183,986)	(112,473)	(7,122)	0	18,471	(45,308)	(330,418)	19,425,417	(0.02)	
NT2	0	0	0	0	(1,192)	11,966	0	10,774	807,695	0.01	SCS	0	0	0	0	(1,700)	0	0	(1,700)	64,381	(0.03)	
HDG	0	0	0	0	9,324	3,455	0	12,779	1,100,936	0.01	GVR	0	(136,878)	0	0	0	27,050	0	(109,827)	3,695,522	(0.03)	
HHV	0	0	0	0	54,243	48,456	0	102,699	8,947,906	0.01	CTR	0	0	0	0	(1,018)	(9,949)	0	(10,967)	325,500	(0.03)	
PAN	0	0	0	0	(310)	22,093	0	21,784	2,011,221	0.01	HPG	0	(1,055,142)	0	0	0	25,884	55,777	(973,481)	24,302,806	(0.04)	
SJS	0	0	0	0	4,853	0	0	4,853	514,175	0.01	HDB	0	(602,780)	196,417	4,847	0	32,344	19,392	(349,780)	8,307,784	(0.04)	
SBT	0	0	0	0	21,212	(11,007)	8,215	18,421	3,553,556	0.01	MSN	0	(108,499)	0	0	0	3,000	1,202	(104,298)	2,404,549	(0.04)	
VSH	0	0	0	0	135	0	0	135	32,608	0.00	BMI	0	0	0	(13,830)	0	0	0	(13,830)	316,438	(0.04)	
AGG	0	0	0	0	4,872	0	0	4,872	1,237,441	0.00	VPI	0	0	0	0	3,657	(57,236)	0	(53,579)	1,156,417	(0.05)	
DGC	0	0	0	0	8,942	3,552	3,114	15,608	4,145,305	0.00	VHM	0	(316,615)	0	0	0	9,178	21,991	(285,447)	5,002,818	(0.06)	
DCM	0	0	0	0	8,738	8,725	0	17,463	4,850,805	0.00	BID	0	(221,669)	117,753	(7,607)	0	(557)	0	(112,079)	1,791,573	(0.06)	
BCG	0	0	0	0	29,132	0	0	29,132	8,202,496	0.00	VNM	0	(387,362)	0	0	0	1,111	(17,611)	(413,861)	5,981,981	(0.07)	
KBC	0	0	0	0	23,630	7,974	77	31,680	9,197,815	0.00	VRE	0	(387,882)	0	0	0	(11,128)	(18,027)	(417,037)	5,866,933	(0.07)	
ORS	0	0	0	9,005	0	0	0	9,005	2,683,154	0.00	VJC	0	(207,803)	0	0	0	(6,158)	(5,565)	(219,526)	1,629,244	(0.13)	
TCH	0	0	0	0	15,902	2,915	0	18,817	6,299,656	0.00	VCB	0	(98,539)	(80,107)	(4,169)	0	(3,251)	1,240	(184,827)	1,298,319	(0.14)	
VIX	0	0	0	(2,576)	34,692	27,078	0	59,195	22,043,497	0.00	PDR	0	(2,335,548)	0	0	69,136	6,532	(8,563)	(2,268,442)	14,527,335	(0.16)	
VGC	0	0	0	0	11,076	0	(6,021)	5,055	1,906,587	0.00	BVH	0	74,284	(238,983)	(668)	0	(8,946)	(28,292)	(202,607)	1,085,093	(0.19)	
PVD	0	0	0	0	4,086	8,171	639	12,896	5,549,291	0.00	GAS	0	(166,421)	0	0	0	(4,511)	0	(170,932)	716,439	(0.24)	
DXG	0	0	0	0	15,737	21,033	0	36,770	17,711,191	0.00	NVL	0	(8,897,595)	0	0	0	(218,596)	14,973	(9,101,219)	35,024,722	(0.26)	
CII	0	0	0	0	14,495	8,919	0	23,415	12,611,564	0.00	BCM	0	(178,613)	0	0	0	(10,044)	0	(188,657)	340,592	(0.56)	
GEX	0	0	0	0	28,506	12,853	(2,307)	39,052	21,512,586	0.00	FPT	(1,089,105)	44,201	0	0	0	1,602	(18,548)	(1,061,849)	1,588,772	(0.62)	
DIG	0	0	0	0	16,355	15,972	8,936	41,264	24,350,389	0.00	MWG	(8,267,882)	(324,759)	0	0	0	9,256	(8,594)	(8,591,978)	5,778,526	(1.66)	
HSG	0	0	0	0	21,099	(4,070)	(324)	16,705	13,648,656	0.00	TCB	(7,163,234)	(400,166)	(2,582,143)	13,173	0	23,381	46,623	(10,062,367)	6,313,589	(1.66)	
VCG	0	0	0	0	17,918	(5,475)	0	12,442	10,307,672	0.00	REE	(1,755,063)	0	0	0	5,416	(9,387)	176	(1,758,859)	1,079,903	(1.66)	
ASM	0	0	0	0	3,274	0	0	3,274	5,618,194	0.00	OCB	(4,208,547)	0	84,154	321	24,114	20,847	0	(4,079,112)	2,007,457	(2.00)	
DPM	0	0	0	0	8,272	(6,474)	0	1,798	3,485,515	0.00	PNJ	(5,520,629)	0	0	0	9,969	(23,151)	(16,455)	(5,550,266)	1,547,852	(2.00)	
IDC	0	0	0	0	0	0	1,512	1,512	3,361,028	0.00												

*Lưu ý: Số liệu dựa trên công bố của Hose và giá đóng cửa ngày 18/07/2023

Nguồn: BSC Research

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	0.32%	0.46%	0.62%	1.43%	4.39%	6.51%	7.93%
So với tuần trước	0.09%	0.02%	-0.07%	-0.90%	-0.22%	-0.44%	-0.05%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	193,653.33	13,867	9,516	987	2,368	503	26
So với tuần trước	2.72%	-13.54%	126.22%	-68.13%	-25.04%	-10.82%	-4.41%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 19/07/2023

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

PTKT VN-INDEX: VN-Index hướng về ngưỡng tâm lý 1,200 điểm

Đồ thị ngày: Sau 3 phiên doji giằng co ở 1,173 điểm, VN-Index đột ngột có cây nến chỉ hướng vượt qua vùng tích lũy với thanh khoản cải thiện. Với phiên tăng điểm cuối tuần, VN-Index tiếp tục bám dải bollinger band trên và thoát khỏi tín hiệu phân kỳ âm giữa giá và RSI trong ngắn hạn. Các chỉ báo kỹ thuật tiếp tục cải thiện hỗ trợ cho đà tăng trong ngắn hạn.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI tăng từ mức 75 lên 79.7 điểm
- MACD giữ trên đường tín hiệu và mức 0. Thanh khoản giảm nhẹ 1% so tuần trước.
- VN-Index vượt qua trên các đường SMA đồ thị tuần, giá bám dải bollingerband trên.

Kết luận: Với cây nến chỉ hướng cuối tuần, VN-Index đang có động lực tăng điểm vượt ngưỡng tâm lý 1,200 điểm trong tuần tới. Thanh khoản và các chỉ báo kỹ thuật duy trì ở ngưỡng cao, tiếp tục ủng hộ cho xu hướng tăng điểm. Dù vậy khi giá đang bám sát dải bollinger band trên và các chỉ báo vào vùng quá mua thì hoạt động rung lắc sẽ diễn ra trên đà đi lên trong tuần tới.



Nguồn: BSC Research

TIN VĨ MÔ: *GDP Trung Quốc quý 2 tăng 6.3%*

VIỆT NAM:

- Fed: tỷ lệ từ chối đối với các đơn xin tín dụng của Hoa Kỳ đã tăng lên mức cao nhất trong 5 năm.
- Mỹ: chỉ số kinh tế hàng đầu tháng 6 (LEI) -0.7% (dự kiến -0.6%, trước đó -0.6%) - giảm lần thứ 15 liên tiếp.
- Mỹ: hàng tồn kho kinh doanh T5 +0.2%, hàng tồn kho bán lẻ ngoại trừ oto -0.1%. Doanh số bán lẻ T6 +0.2% (dự kiến +0.5%).
- Mỹ: sản xuất công nghiệp tháng 5 giảm -0.5%; sản lượng giảm -0.3%; hiệu suất sử dụng đạt 78.9%.
- Eurozone: số dư tài khoản vãng lai tăng mạnh trong tháng 5, đạt 9.1 tỷ EUR (trước đó: 4.0 tỷ EUR - điều chỉnh giảm xuống 3.8 tỷ EUR).
- Eurozone: Chỉ số CPI tháng 6 đúng như kỳ vọng ở mức +5.5%. CPI cốt lõi +5.5% so với +5.4% cùng kỳ. CPI cốt lõi tháng trước +5.3%.
- Trung Quốc: GDP quý 2 tăng 6.3%, cao hơn mức tăng 4.5% của quý 1, nhưng thấp hơn nhiều so với mức dự báo tăng 7.3% mà các chuyên gia đưa ra.
- PBOC bơm 103 tỷ NDT lãi suất cho vay trung hạn kỳ hạn 01 năm ở mức 2.65% (khoảng 125 tỷ dự kiến, trước khi bơm 237 tỷ).
- Bộ Công nghiệp Trung Quốc: Ngành công nghiệp của quốc gia này hiện đang phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức như nhu cầu yếu kém và doanh thu giảm Bộ sẽ xây dựng kế hoạch tăng trưởng ổn định bao gồm 10 ngành nghề, trong đó có ô tô và thép.
- Doanh thu tài chính của Trung Quốc: +14.9% trong năm tháng đầu năm +13.3% trong 06 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm ngoái.
- BofA: hạ dự báo tăng trưởng khu vực đồng Euro trong năm xuống 0.3%, tăng trưởng năm 2024 từ 0.8% xuống 0.7%. Bên cạnh đó BofA cũng đã hạ dự báo tăng trưởng của Trung quốc từ 5.7% xuống 5.1%.
- Đức: PPI tháng 6 -0.3% MoM (dự báo: -0.4%, trước đó: -1.4%).

THẾ GIỚI:

- Chính phủ: nhấn mạnh giải pháp hỗ trợ dòng tiền, giảm chi phí và tăng khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp, người dân trong các mục tiêu tăng trưởng năm 2023.
- NHNN: đã đưa ra những lý giải về quy định bổ sung không được cho vay vốn với một số nhu cầu vốn cụ thể tại Thông tư 06/2023.
- Sàn giao dịch trái phiếu riêng lẻ vận hành hôm nay (19/7), được kỳ vọng giúp thị trường trái phiếu doanh nghiệp tăng cường khả năng thanh khoản, minh bạch, công bằng.
- Bộ Công Thương: gửi Chính phủ đề nghị ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch điện VIII. Theo đó, cần 134 tỷ USD đầu tư nguồn điện, lưới điện đến năm 2030.
- Bộ Tài chính: Thu NSNN do ngành thuế quản lý đang giảm dần và đạt 54.1% dự toán sau 6 tháng. Ngành thuế đang triển khai 7 nhiệm vụ trọng tâm với điểm nhấn là ứng dụng công nghệ, xây dựng các bản đồ số trong nhiều lĩnh vực nhằm cải thiện tình hình.
- Bộ Tài chính: hướng dẫn các bộ, cơ quan, đơn vị ở trung ương và đơn vị cấp tỉnh lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2024-2026 và đánh giá khả năng thực hiện kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025. Theo TT số 51/2023.
- Bộ Tài chính: phấn đấu dự toán thu nội địa năm 2024 tăng 5-7% so với đánh giá ước thực hiện năm 2023.
- Hiệp hội các nhà đầu tư tài chính Việt nam (VAFI): đề xuất cho người mua trái phiếu ngân hàng được nhà nước bảo đảm như gửi tiết kiệm.
- HoREA: có văn bản gửi đến Thủ tướng kiến nghị NHNN nên sửa quy định 4 đối tượng không được vay tín dụng tại Thông tư 06.

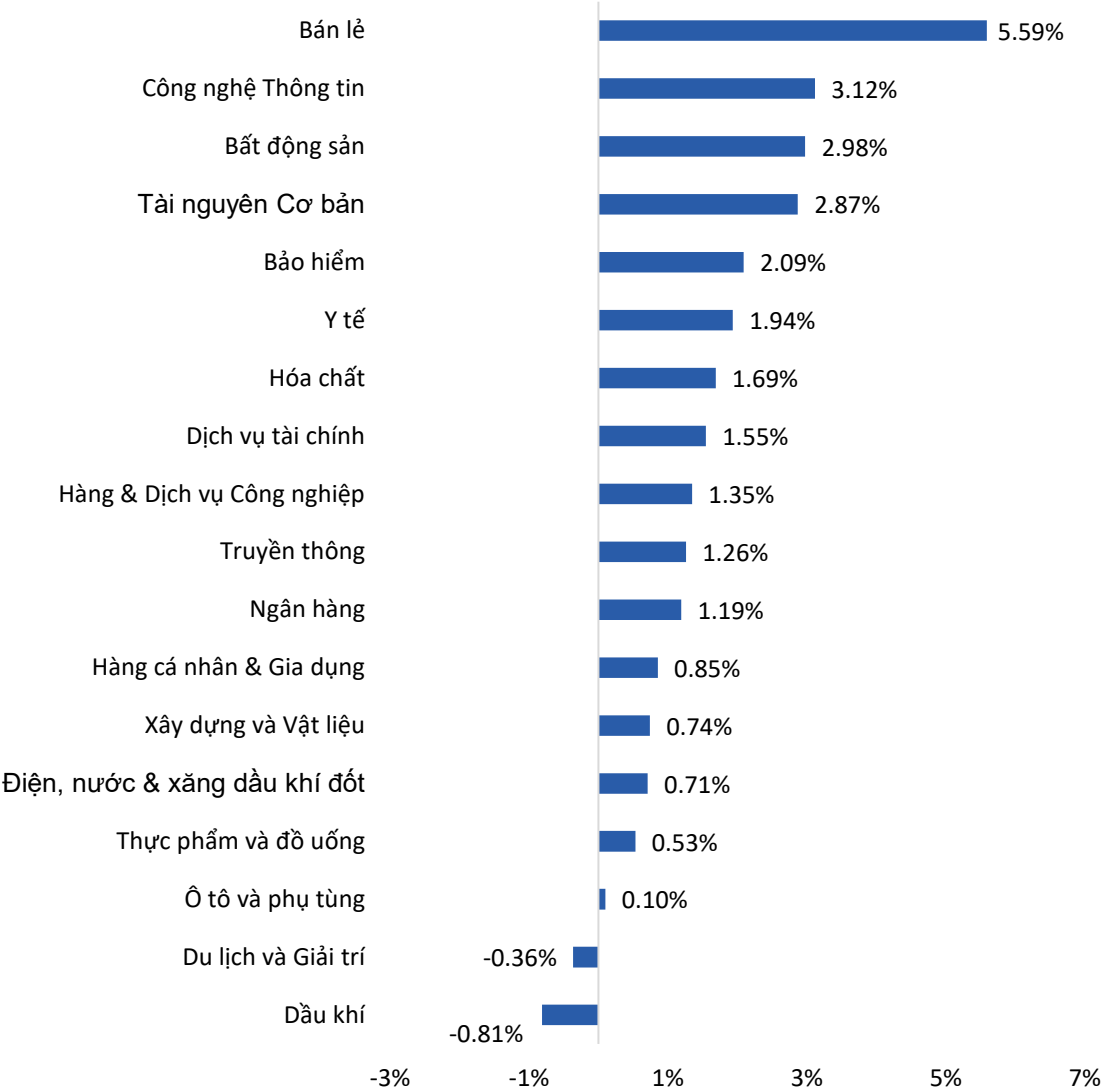
THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Dòng tiền vận động phân hóa trước mùa công bố KQKD quý II;
- Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô tháng 7;
- 24/7, PMI Australia, Nhật Bản, Anh, EU và Hoa Kỳ. 25/7, Chỉ số niềm tin tiêu dùng Hoa Kỳ; môi trường kinh doanh Đức. 26/7, CPI Australia; Doanh thu bán nhà qua sử dụng và dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 27/7, Lãi suất và biên bản chính sách tiền tệ FOMC và ECB tại kỳ họp tháng 7; GDP quý II công bố lần đầu và đơn xin trợ cấp thất nghiệp Hoa Kỳ. 28/7, Lãi suất và biên bản chính sách tiền tệ BOJ; GDP Canada.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Bán lẻ	5.84%	5.59%	21.87%	MWG	6.17%		
Công nghệ Thông tin	0.89%	3.12%	9.60%	FPT	3.45%	CMG	-0.21%
Bất động sản	1.51%	2.98%	4.93%	VHM	4.61%	KDH	4.29%
Tài nguyên Cơ bản	0.79%	2.87%	13.75%	HPG	3.27%	HSG	2.54%
Bảo hiểm	1.41%	2.09%	6.30%	BVH	1.50%	PVI	14.08%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	77.07	1.88%	2.32%	8.27%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/bbl.	81.07	1.80%	1.50%	5.09%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USd/gal.	280.18	2.14%	5.98%	11.19%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/oz.	1,961.94	-0.39%	0.34%	1.52%		PNJ
Bạc	USD/oz.	24.61	-0.59%	-1.35%	8.73%	PNJ	
Đậu tương	USd/bu.	1,401.75	-0.21%	2.26%	4.39%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	697.50	-4.06%	5.44%	-1.59%		AFX
Sữa	USD/cwt	13.81	0.29%	-0.07%	-10.15%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	202.00	-0.64%	-1.46%	-3.90%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	USd/lb.	25.01	1.38%	2.84%	-3.92%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	161.85	2.40%	0.65%	-8.09%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/MT	8,452.00	-0.39%	-2.55%	-1.75%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/MT	3,779.00	0.24%	1.42%	0.08%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC
Nhôm	USD/MT	2,204.50	0.16%	-3.16%	-0.83%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	842.50	-0.59%	0.36%	3.50%		HPG
Than đá	USD/MT	143.05	0.77%	6.99%	2.43%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Thép HRC	CNY/MT	542.29	0.54%	1.76%	0.32%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

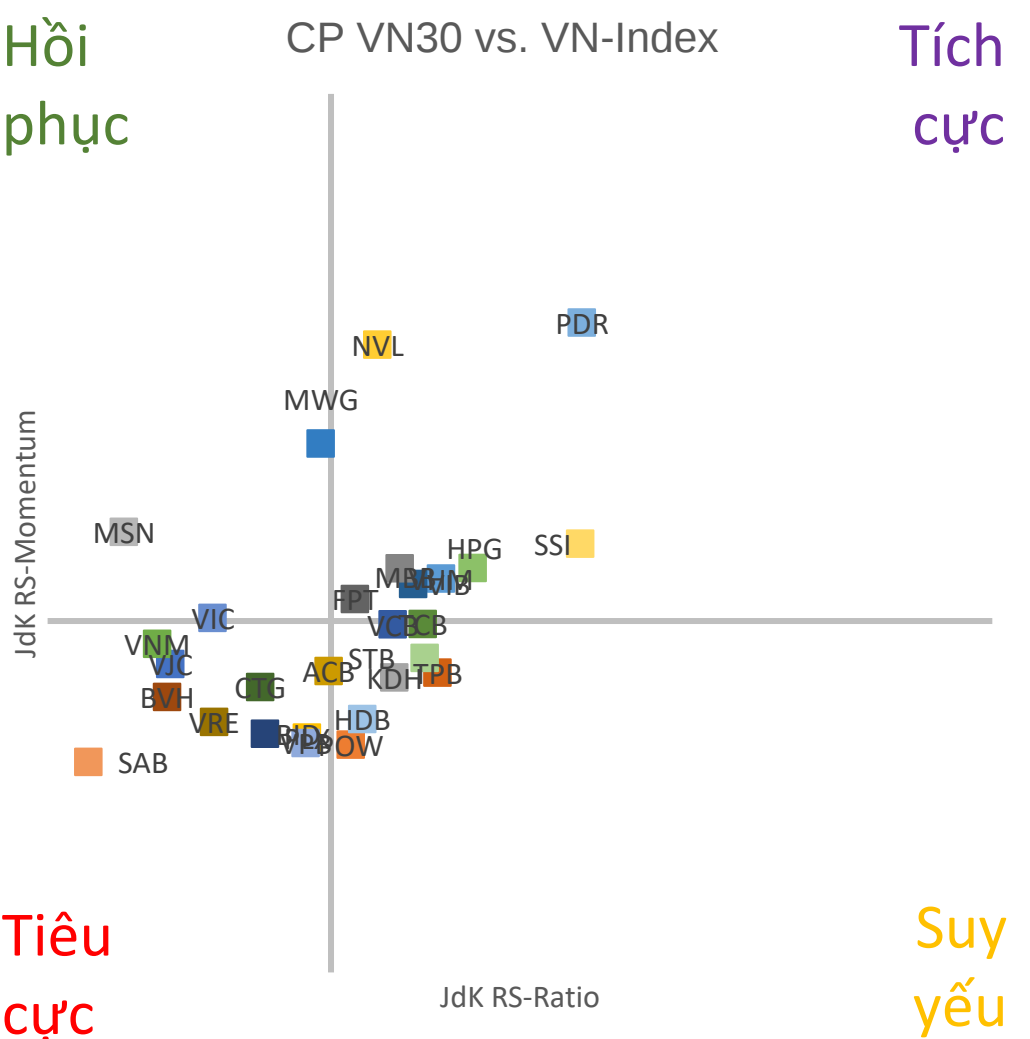
Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
VHM	0.05%	2.87
VPB	0.08%	2.57
HPG	0.03%	1.33
MWG	0.06%	1.13
FPT	0.03%	0.76
VIC	0.01%	0.68
SHB	0.05%	0.54
HDB	0.05%	0.49
MSN	0.01%	0.43
GVR	0.02%	0.41
Tổng		11.21

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
BCM	-0.02%	-0.34
CTG	-0.01%	-0.24
LGC	-0.09%	-0.24
HVN	-0.02%	-0.14
PLX	-0.01%	-0.13
STB	-0.01%	-0.12
SAB	0.00%	-0.11
EIB	-0.01%	-0.08
REE	-0.01%	-0.06
RAL	-0.07%	-0.05
Tổng		-1.51

Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
VNM	514.13	0.01
VHM	387.79	24.16
HPG	213.03	26.13
SSI	154.39	
VIC	123.41	13.05
VRE	99.31	32.22
KBC	97.09	20.05
HCM	87.44	45.75
PNJ	86.05	48.09
VCI	81.98	25.45
Tổng	1,844.62	

Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
MSB	-269.16	
VPB	-159.90	16.78
CTG	-129.38	27.14
POW	-128.05	7.11
TPB	-97.06	29.14
STB	-90.90	24.28
DGC	-77.83	13.80
DBC	-74.00	7.49
FUEVFN	-61.16	
VEA	-60.72	4.87
Tổng	-1148.16	

Vận động cổ phiếu VN30			
VHM	105.8334	101.2026	17.53%
VIB	104.3589	101.0494	21.18%
BVH	91.33909	97.8329	3.26%
FPT	101.2732	100.6157	20.20%
PDR	113.2939	108.4834	53.51%
NVL	102.4735	107.8602	10.18%
HPG	107.5179	101.5015	34.92%
MBB	103.6566	101.4888	20.49%
GVR	111.9338	103.7715	35.80%
SSI	113.1991	102.1916	41.62%
MSN	89.05345	102.5297	12.01%
VIC	93.75035	100.0805	2.36%
MWG	99.47467	105.0461	38.71%
GAS	91.82493	100.113	6.77%
POW	101.052	96.47681	3.52%
KDH	103.3713	98.3846	15.87%
TPB	105.6465	98.52312	12.25%
VCB	103.2805	99.89394	12.90%
TCB	104.8701	99.91059	11.38%
HDB	101.6645	97.20451	8.59%
STB	104.9661	98.9426	14.77%
PLX	98.74642	96.67245	7.14%
VJC	91.51134	98.76525	2.19%
VNM	90.81488	99.34574	4.40%
VRE	93.82356	97.1203	2.53%
BID	96.51779	96.78345	4.59%
CTG	96.26585	98.10951	6.45%
SAB	87.16771	95.98694	-7.18%
ACB	99.88788	98.56419	6.04%
VPB	98.66361	96.51569	10.88%



Nguồn: Bloomberg

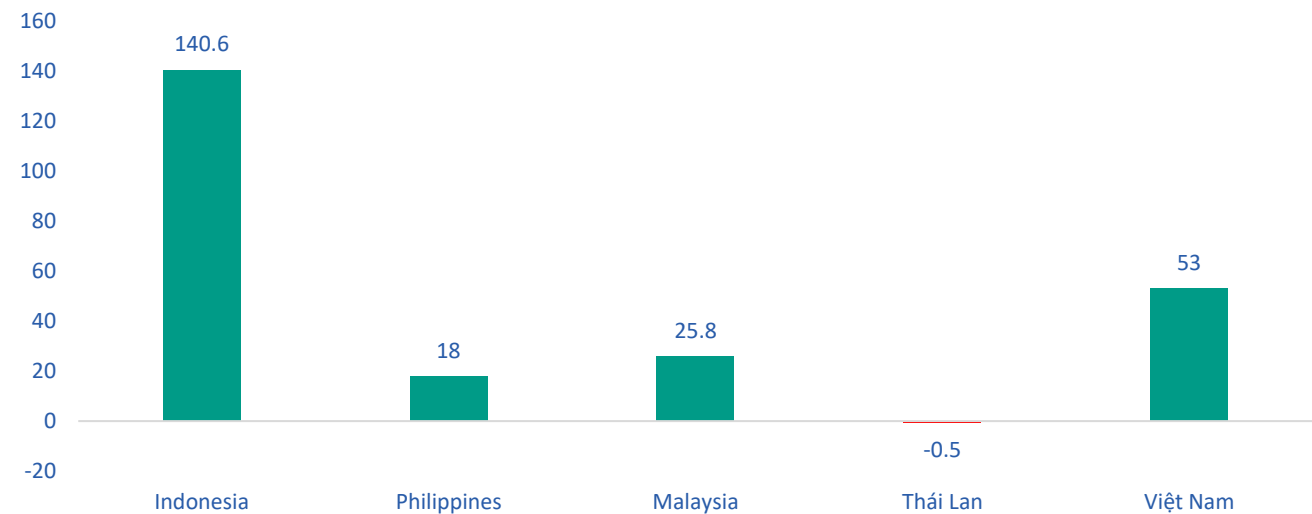
Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

Diễn biến dòng vốn nước ngoài tại khu vực ASEAN

	WTD	MTD	QTD	YTD
Khu vực châu Á				
ASEAN 5	236.9	114.1	114.1	(3,331.0)
Indonesia	140.6	261.3	261.3	1351.5
Philippines	18	57.9	57.9	-409.4
Malaysia	25.8	97.2	97.2	-832.1
Thái Lan	-0.5	-243.4	-243.4	-3350.2
Việt Nam	53	-58.9	-58.9	-90.8
Các nước khác	(109.0)	2,571.1	2,571.1	32,930.8
Hàn Quốc	-71.8	1208.7	1208.7	9153.1
Đài Loan	-1240	-2530.8	-2530.8	8716.5
Ân Độ	1202.1	3890.1	3890.1	15056.1
Sri Lanka	0.7	3.1	3.1	5.1

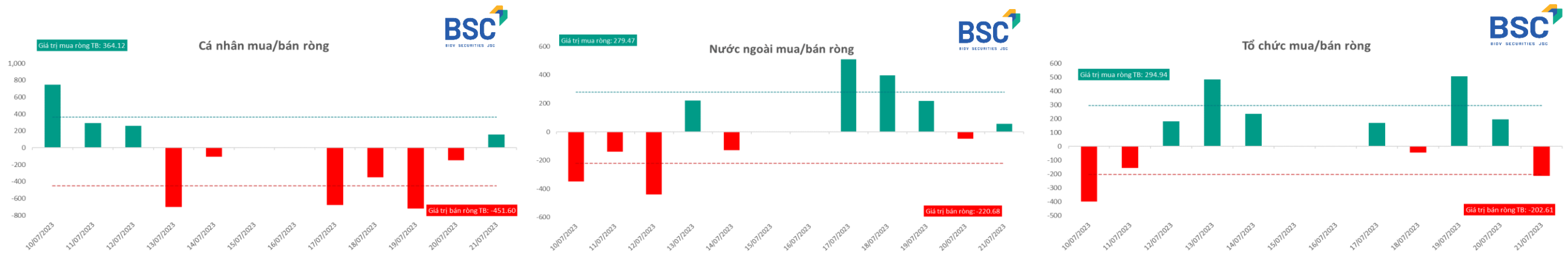


Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chi tiết diễn biến các ETF theo tuần

	Mar-23					Apr-23				May-23					Jun-23				Jul-23				
	W8	W9	W10	W11	W12	W13	W14	W15	W16	W17	W18	W19	W20	W21	W22	W23	W24	W25	W26	W27	W28	W29	Tổng
	(9.31)	(5.97)	7.24	16.43	30.15	16.53	3.86	(5.40)	(0.51)	(30.73)	(31.16)	(16.97)	(5.24)	(14.32)	(25.56)	(2.27)	12.39	4.28	(7.95)	(19.42)	(8.05)	7.58	249.46
ETF ngoại	(7.95)	5.38	8.24	24.01	35.68	20.38	4.16	0.89	0.10	(23.28)	(31.16)	(8.27)	-	(2.98)	(16.63)	2.70	5.39	(11.62)	1.82	(17.69)	(4.78)	7.01	252.93
Fubon	0.00	0.00	0.00	17.81	32.21	14.88	(0.94)	0.18	3.86	0.73	0.36	1.10	0.00	0.00	0.00	(0.19)	(0.58)	0.00	(0.20)	(0.79)	(2.43)	(1.25)	66.23
VNM	0.00	1.15	4.00	0.00	0.00	0.00	0.00	(1.85)	(4.82)	(18.46)	(1.20)	(4.26)	0.00	0.00	0.01	5.22	2.65	1.34	2.02	0.00	6.90	2.81	84.70
FTSE	0.90	4.23	4.24	-	(3.89)	0.52	-	2.56	1.06	0.77	0.00	0.00	0.00	0.79	0.00	1.52	3.32	0.00	0.00	0.00	1.37	0.00	64.38
iShare	(8.85)	-	-	6.20	7.36	4.98	5.10	0.00	0.00	(6.32)	(30.32)	(5.11)	0.00	(3.77)	(16.64)	(3.85)	0.00	(12.96)	0.00	(16.90)	(10.62)	5.45	37.62
ETF nội	(1.36)	(11.35)	(1.00)	(7.58)	(5.53)	(3.85)	(0.30)	(6.29)	(0.61)	(7.45)	-	(8.70)	(5.24)	(11.34)	(8.93)	(4.97)	7.00	15.90	(9.77)	(1.73)	(3.27)	0.57	(3.47)
Diamond	-	(5.89)	(1.10)	(2.74)	(3.00)	(3.00)	(0.10)	(6.16)	(0.29)	(5.00)	-	(1.89)	(3.14)	(4.20)	(7.94)	(3.50)	5.80	14.10	(1.43)	(0.10)	(1.97)	(0.11)	0.13
E1	(1.55)	(4.07)	0.82	(4.06)	(1.10)	0.50	(0.55)	0.08	0.08	(1.51)	-	(6.88)	(2.10)	(6.44)	(0.78)	(3.54)	1.94	0.24	(7.35)	(1.63)	(1.08)	0.68	(4.22)
Finlead	0.19	(1.39)	(0.72)	(0.78)	(1.43)	(1.35)	0.35	(0.21)	(0.40)	(0.94)	-	0.07	-	(0.70)	(0.21)	2.07	(0.74)	1.56	(0.99)	-	(0.22)	-	0.62

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐTNN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị
VPB	8,582,809	177.42	FUEKIV30	10,347,000	-79.48	VNM	7,204,100	514.13	MSB	20,577,300	-269.16	VSC	9,638,800	342.96	SSI	18,604,033	-521.71
STB	3,822,312	108.68	VSC	1,868,600	-67.51	VHM	6,684,100	387.79	VPB	7,748,000	-159.90	MSB	19,389,726	253.57	VHM	3,508,019	-197.45
CTG	3,101,754	92.13	BCM	809,900	-64.61	HPG	7,715,200	213.03	CTG	4,379,700	-129.38	BCG	26,336,490	252.05	HPG	6,334,411	-175.91
FPT	982,767	78.29	E1VFN30	3,053,100	-61.11	SSI	5,306,100	154.39	POW	9,664,900	-128.05	TCB	4,510,497	144.38	GEX	8,387,991	-155.61
VNM	937,771	67.80	TCB	956,997	-30.80	VIC	2,344,500	123.41	TPB	5,215,500	-97.06	POW	9,335,626	123.21	HSG	8,187,356	-143.01
TPB	3,495,021	65.34	FUEMAVND	2,599,200	-27.28	VRE	3,510,700	99.31	STB	3,261,200	-90.90	MWG	2,379,026	120.88	VNM	1,905,904	-135.03
PNJ	731,400	58.31	NVL	1,740,600	-25.73	KBC	3,091,200	97.09	DGC	1,089,700	-77.83	PLX	2,660,992	107.20	MSN	1,568,885	-122.98
VJC	485,100	47.27	EIB	1,241,500	-24.38	HCM	2,818,300	87.44	DBC	2,960,500	-74.00	DBC	3,838,180	96.71	KBC	3,517,515	-108.53
HPG	1,651,788	45.77	FUEKIVFS	2,105,200	-21.85	PNJ	1,081,500	86.05	FUEVFVND	2,412,200	-61.16	STB	2,434,168	66.29	VIB	4,272,880	-86.02
VHM	672,184	39.03	ACB	990,794	-21.72	VCI	1,945,100	81.98	PLX	1,469,600	-59.41	SBT	2,618,377	41.86	PTB	1,514,276	-79.61

HIỆU SUẤT DANH MỤC BSC30, BSC50

Diễn biến BSC30, BSC50:

- **BSC30:** Trong tuần 29, BSC30 **+1.84%**. Các mã diễn biến tích cực: **VPB** (+7.54%), **MWG** (+6.17%), **KBC** (+5.00%).
- **BSC50:** Trong tuần 29, BSC50 **+1.46%**. Các mã diễn biến tích cực: **HDC** (+16.49%), **SZC** (+13.33%), **DIG** (+10.71%).
(Chi tiết danh mục tại trang 12, 13, 14)

Báo cáo doanh nghiệp chi tiết xem tại: [Link](#)

Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường



Nguồn: BSC Research

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	105	0.00%	0.82	21,604.97	3.01	7,311.00	14.36	105,000	23.59%	Link
BID	Ngân hàng	46.75	1.08%	0.98	10,282.00	2.88	4,208.00	11.11	54,578	17.28%	Link
VPB	Ngân hàng	21.4	1.90%	1.13	6,246.20	26.38	3,972.00	5.39	23,685	28.09%	Link
TCB	Ngân hàng	32.3	1.25%	1.43	4,939.43	7.24	14,982.00	2.16		17.64%	Link
MBB	Ngân hàng	18.65	1.08%	1.39	4,227.94	6.75	14,982.00	1.24	24,400	17.64%	Link
STB	Ngân hàng	28.75	3.23%	1.28	2,356.52	36.34	4,640.00	6.20	31,200	30.00%	Link
GVR	BĐS KCN	22	2.33%	1.10	3,826.09	1.97	4,603.00	4.78	19,100	23.23%	Link
KBC	BĐS KCN	32.55	5.68%	1.63	1,086.33	20.60	4,880.00	6.67	29,800	29.17%	Link
IDC	BĐS KCN	45.4	1.11%	1.75	651.39	6.08			52,400	42.84%	Link
VGC	BĐS KCN	47.3	1.72%	1.75	922.04	3.20	1,217.00	38.87		0.55%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	28.4	0.71%	1.00	7,180.00	22.71	1,916.00	14.82	25,000	23.42%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	59	2.25%	0.88	11,169.90	9.07	1,896.00	31.12	68,300	10.63%	Link
VRE	BĐS	28	1.25%	1.12	2,805.82	6.23	5,227.00	5.43	36,200	23.92%	Link
KDH	BĐS	32.85	2.34%	0.40	1,023.82	3.06	1,576.00	20.84	37,700	32.47%	Link
NLG	BĐS	38.05	1.47%	1.63	635.40	7.23	2,557.00	14.88	38,100	44.94%	Link
DGC	Phân bón	73	0.14%	1.50	1,205.38	10.38	14,120.00	5.17	60,500	18.41%	Link
DPM	Dầu khí	37.4	1.91%	1.33	636.34	4.59	6,793.00	5.51	42,000	3.01%	Link
DCM	Dầu khí	29.1	0.00%	0.80	669.81	4.09	2,625.00	11.09	29,000	18.11%	Link
GAS	Dầu khí	99.4	0.71%	0.72	8,271.59	2.29	2,292.00	43.37	122,300	41.13%	Link
PLX	Dầu khí	40.5	2.02%	1.13	2,237.35	3.05	1,340.00	30.22	45,000	20.38%	Link
PVS	Dầu khí	34.3	1.18%	1.16	712.79	5.12	993.00	34.54	33,000	6.25%	Link
PVD	Dầu khí	25.1	1.21%	1.42	606.63	2.60	7,698.00	3.26	26,000	49.00%	Link
POW	Tiện ích	13.25	-0.38%	1.11	1,349.12	5.80	3,895.00	3.40	14,500	55.81%	Link
VNM	Bán lẻ	73.5	1.24%	1.20	6,678.77	10.63	2,605.00	28.21	84,500	30.59%	Link
MSN	Bán lẻ	83	4.40%	1.25	5,163.48	7.33	3,456.00	24.02	96,000	49.00%	Link
MWG	Bán lẻ	52.5	6.92%	1.46	3,338.45	26.23	7,475.00	7.02	55,200	49.00%	Link
PNJ	Bán lẻ	80	1.39%	0.78	1,140.87	3.65	2,965.00	26.98	95,000	29.02%	Link
VHC	Thủy sản	75.3	0.80%	1.22	600.36	1.25	12,800.00	5.88	67,500	30.47%	Link
GMD	Logistics	57.5	0.52%	0.67	753.44	2.38	7,059.00	8.15	57,000	48.84%	Link
FPT	Công nghệ	81	0.87%	0.77	4,472.50	4.45	5,901.00	13.73	91,900	49.00%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
CTG	Ngân hàng	29.7	0.17%	1.15	6,205.69	7.13	3,520.27	8.44	1.27	27.14%	16.13%
ACB	Ngân hàng	22.1	0.45%	1.04	3,732.07	6.39	3,742.40	5.91	1.37	30.00%	26.25%
HDB	Ngân hàng	17.2	1.18%	0.87	2,163.12	2.81	2,738.16	6.28	1.27	19.53%	22.62%
LPB	Ngân hàng	16.25	0.00%	1.48	1,221.65	3.63	2,732.22	5.95	1.11	4.18%	19.91%
VIB	Ngân hàng	20.55	0.24%	1.31	2,266.58	2.83	3,469.03	5.92	1.60	20.50%	29.67%
VND	Chứng khoán	18.8	3.58%	2.00	995.46	33.56	489.06	38.44	1.56	23.30%	4.76%
TPB	Ngân hàng	18.75	-0.27%	1.09	1,794.81	7.44	2,696.75	6.95	1.33	29.20%	19.79%
SSI	chứng khoán	28.75	2.68%	1.73	1,873.92	20.22	1,119.93	25.67	1.89		7.91%
CII	Xây dựng	20.2	3.59%	1.89	249.44	16.06	217.60	92.83	0.94	8.95%	1.02%
C4G	Xây dựng	14.4	0.70%	2.10	211.04	1.48	790.73	18.21	1.32	0.00%	8.20%
CTD	Xây dựng	79.2	0.25%	1.97	256.24	1.32	183.95	430.54	0.71	49.00%	0.16%
HHV	Xây dựng	15.85	1.28%	1.67	226.97	3.42	903.05	17.55	0.72	4.54%	3.89%
LCG	Xây dựng	14	0.73%	2.15	113.78	2.96	812.23	16.99	1.03	3.31%	6.14%
BCM	KCN	79.6	-0.87%	0.90	3,582.00	1.87	1,170.44	68.01	4.86	2.73%	8.07%
HUT	KCN	20.8	0.97%	1.54	315.28	2.06	161.84	128.52	1.86	1.90%	1.44%
PHR	KCN	51.2	0.39%	1.45	301.63	0.80	6,556.81	7.81	2.08	15.27%	26.78%
SZC	KCN	36.55	1.11%	1.92	190.70	1.80	1,393.05	26.24	2.84	2.91%	8.95%
HSG	Vật liệu	18.2	3.70%	2.09	487.43	15.54	(1,693.61)		1.08	17.70%	-9.56%
HT1	Vật liệu	17.1	0.59%	1.55	283.70	1.26	166.19	102.90	1.32	3.38%	1.25%
NKG	Vật liệu	19.7	2.60%	2.29	225.50	6.97	(2,585.96)		0.99	10.62%	-11.84%
PTB	Vật liệu	52.5	1.35%	1.12	152.79	0.91	6,016.80	8.73	1.30	16.61%	15.72%
KSB	Vật liệu	32.2	0.63%	1.75	106.81	3.33	1,392.77	23.12	1.26	3.34%	5.58%
NVL	BĐS	15.15	2.36%	0.98	1,284.53	22.61	362.35	41.81	0.80	3.55%	1.93%
DXG	BĐS	16.45	3.46%	2.29	436.31	17.74	(239.59)		1.10	18.45%	-1.63%
HDC	BĐS	38.85	-0.26%	1.55	228.21	3.59	2,525.76	15.38	2.80	1.95%	20.89%
DIG	BĐS	24.8	6.90%	2.59	657.58	42.89	261.72	94.76	2.22	5.71%	2.12%
IJC	BĐS	14.85	1.02%	2.04	162.60	1.47	1,661.89	8.94	0.95	6.33%	11.25%
BSR	Dầu khí	18.1	0.00%	1.44	2,439.96	3.52	4,750.00	3.81	1.09	0.39%	33.16%
PVT	Dầu khí	23.8	1.06%	1.20	334.91	3.17	2,740.01	8.69	1.25	14.55%	15.37%
PLC	Săm lốp	38.3	1.86%	1.84	134.55	0.57	1,355.49	28.26	2.45	1.26%	8.19%

DANH MỤC BSC 50 (tiếp)

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
DRC	Tiện ích	22.9	0.44%	1.27	118.28	0.52	1,970.51	11.62	1.56	9.77%	13.40%
REE	Tiện ích	65.4	1.24%	0.79	1,162.15	2.52	6,714.22	9.74	1.68	49.00%	18.57%
GEX	Tiện ích	21.35	2.89%	1.97	790.41	18.30	9.99	2137.99	1.52	11.73%	0.07%
NT2	Tiện ích	30.75	0.82%	0.75	384.88	1.34	2,473.17	12.43	1.89	15.51%	15.62%
HDG	Tiện ích	32.7	1.24%	1.70	434.71	1.56	3,774.53	8.66	1.78	24.98%	22.63%
PC1	Tiện ích	29	3.39%	1.36	340.98	6.79	1,257.41	23.06	1.53	6.25%	6.82%
GEG	Tiện ích	15.3	0.00%	1.11	227.01	1.09	901.85	16.97	1.69	46.41%	5.74%
BCG	Dầu khí	9.8	2.30%	2.21	227.30	12.79	220.40	44.46	0.78	1.72%	1.50%
SAB	Bán lẻ	153.1	-0.07%	0.15	4,268.70	0.81	7,649.00	20.02	4.08	62.31%	22.07%
QNS	Bán lẻ	53.6	1.13%	0.56	831.83	2.55	4,226.00	12.68	2.16	16.94%	17.50%
FRT	Bán lẻ	77.2	0.92%	1.56	457.30	8.44	1,620.00	47.65	5.25	33.28%	11.52%
DGW	Bán lẻ	54.9	6.81%	1.96	398.80	7.07	3,396.50	16.16	3.62	24.48%	24.73%
DBC	Bán lẻ	26	4.83%	2.06	274.09	12.50	(1,339.12)		1.46	7.73%	-7.20%
PET	Bán lẻ	30.3	2.89%	2.32	130.18	1.25	1,025.57	29.54			4.26%
BAF	Bán lẻ	24.3	0.62%		151.63	3.36	1,408.62	17.25	1.84	0.08%	11.80%
ANV	Thủy sản	37.3	1.63%	1.62	215.90	2.77	4,368.00	8.54	1.64	3.90%	20.07%
VSC	Logistics	35.5	-1.11%	0.51	187.18	1.54	2,086.56	17.01	1.63	3.40%	9.43%
HAH	Logistics	49.3	3.03%	1.26	150.78	3.85	9,072.47	5.43	1.45	4.65%	34.36%
CTR	Công nghệ	74	-0.13%	1.44	368.02	0.65	4,040.07	18.32	4.84	10.11%	29.32%
TNG	Dệt may	20.6	-0.48%	1.71	101.68	1.10	2,665.32	7.73	1.44	20.88%	19.35%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

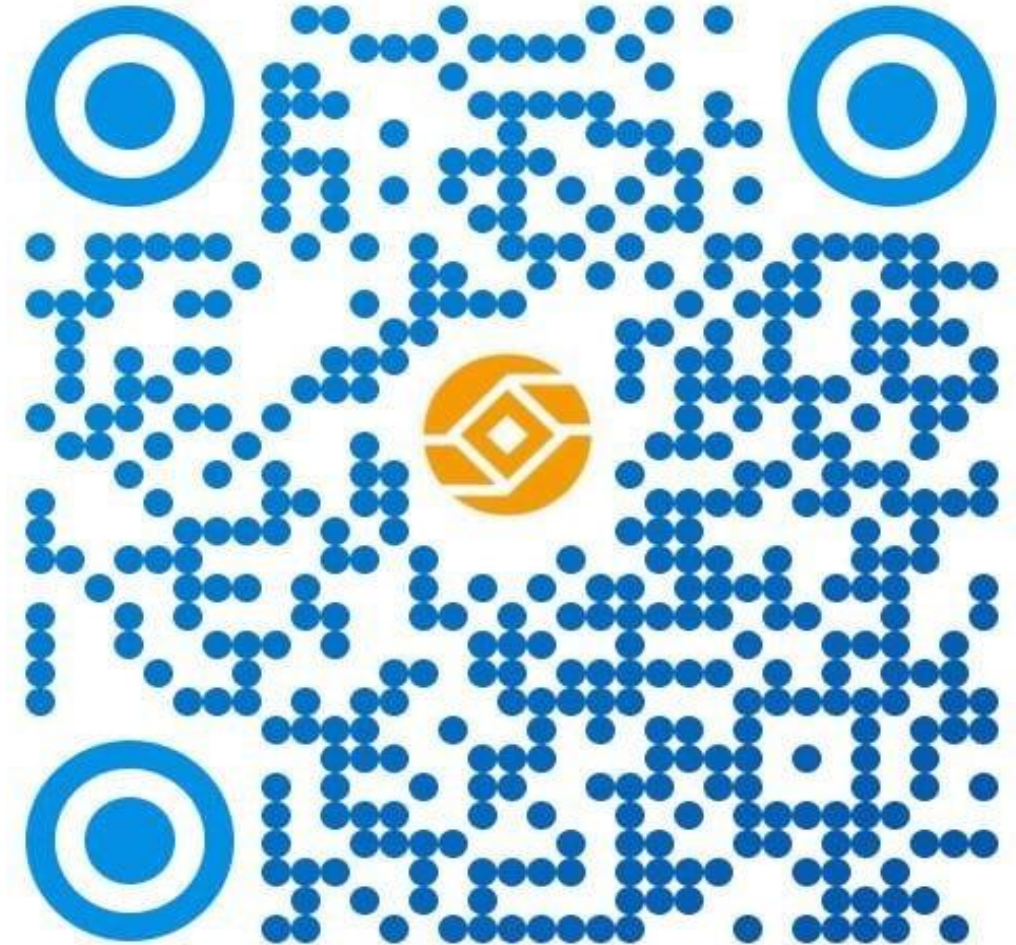
Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký